

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CÀ MAU  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2023/HNGĐ-ST  
Ngày 20 - 4 - 2023  
V/v xin ly hôn

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hàng Bích Trâm

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp

Ông Nguyễn Hoàng Dân

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Cúc – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 20 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 96/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2023 về tranh chấp xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị D; Sinh năm: 1984 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp BD, xã DB, thành phố CM, tỉnh CM.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Vũ L; Sinh năm: 1983 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp BD, xã DB, thành phố CM, tỉnh CM.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, bà Trần Thị D trình bày:*

Về hôn nhân: Bà Trần Thị D và ông Nguyễn Vũ L tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 2003 tại Ủy ban nhân dân xã VAD, huyện NH, tỉnh CM. Nguyên nhân xin ly hôn do bất đồng quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn, ông L và bà D đã ly thân từ năm 2019 đến nay, cả hai không tìm được tiếng nói chung và không còn quan tâm lẫn nhau. Bà D xác định không còn tình cảm và yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông L.

Về nuôi con chung: Bà Trần Thị D và ông Nguyễn Vũ L có 02 con chung là Nguyễn Trúc H, sinh ngày 02/6/2003, hiện nay đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết và con chung tên Nguyễn Thảo V, sinh ngày 28/8/2007 hiện đang sống chung với bà D. Khi ly hôn bà D yêu cầu được quyền nuôi con tên Nguyễn Thảo V, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà D xác định không có tài sản chung.

Về nợ chung: Bà D xác định vợ chồng không có nợ chung và không ai nợ lại.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn Nguyễn Vũ L đầy đủ, đúng theo quy định pháp luật nhưng bị đơn vẫn vắng mặt và không có văn bản thể hiện ý kiến, cũng không có đơn phản tố gửi cho Tòa án.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn ông Nguyễn Vũ L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về hôn nhân*: Bà Trần Thị D và ông Nguyễn Vũ L tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 2003 theo quy định của pháp luật nên hôn nhân giữa ông bà được pháp luật công nhận là hợp pháp và được bảo vệ.

Xét nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng theo bà D trình bày: Do giữa vợ chồng bất đồng quan điểm sống, ông L không chăm lo làm ăn phát triển kinh tế gia đình dẫn đến thường xuyên cự cãi, mâu thuẫn không thể hàn gắn, cả hai không tìm được tiếng nói chung nên ông L và bà D đã ly thân từ năm 2019 đến nay. Bà D xác định không còn tình cảm và yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông L. Về phía ông L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt và không có văn bản thể hiện ý kiến của mình gửi cho Tòa án cho thấy ông L không có thiện chí trong việc hàn gắn mối quan hệ vợ chồng với bà D. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa ông L và bà D không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà D được ly hôn với ông L.

[3] *Về nuôi con chung*: Ông L và bà D có 02 người con chung là Nguyễn Trúc H, sinh ngày 02/6/2003 và con chung tên Nguyễn Thảo V, sinh ngày 28/8/2007. Đối với con chung tên Nguyễn Trúc H hiện nay đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết. Đối với con chung tên Nguyễn Thảo V hiện đang sống chung với bà D, khi ly hôn bà D yêu cầu được quyền nuôi con. Tại văn bản ghi nhận ý kiến của con khi cha mẹ ly hôn thì con chung là Nguyễn Thảo V có nguyện vọng sống với mẹ là bà D. Hội đồng xét xử quyết định giao Nguyễn Thảo V cho bà D tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Ông L không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Bà D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà D xác định không có, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] *Về án phí*: Bà D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 143, 147, 207, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị D về việc xin ly hôn ông Nguyễn Vũ L.

- Về con chung: Con chung tên Nguyễn Trúc H, sinh ngày 02/6/2003 hiện nay đã trưởng thành không xem xét, giải quyết. Giao con chung tên Nguyễn Thảo V, sinh ngày 28/8/2007 cho bà Trần Thị D trực tiếp nuôi dưỡng. Không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Ông L không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị D phải chịu 300.000 đồng. Ngày 20/02/2023, bà Trần Thị D đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002869 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau được đối trừ chuyển nộp ngân sách Nhà nước.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**N**guyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

**Nơi nhận:**

- Phòng KT-NV và THA
- TAND tỉnh Cà Mau (Gửi email);
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- UBND VAD, huyện NH, tỉnh CM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hàng Bích Trâm**